

Tác động của việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tới hoạt động giảng dạy tại trường Đại học Dân lập Văn Lang : \ Luận văn ThS. Đo lường và đánh giá trong giáo dục \ Hoàng Trọng Dũng ; Nghd. : TS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

1. Lý do chọn đề tài

Đảng và nhà nước ta đã xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Một câu hỏi lớn đặt ra cho nền giáo dục nước ta là: Phải làm gì và làm như thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục đại học (ĐH) nhằm đào tạo đủ nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội? Một trong những yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định và liên quan toàn diện với sự cải tiến chất lượng giáo dục ĐH cần được đánh giá là chất lượng hoạt động giảng dạy (HĐGD) của đội ngũ giảng viên (GV).

Trong đánh giá HĐGD, thì hình thức đánh giá qua ý kiến phản hồi từ SV đang được các trường ĐH và xã hội quan tâm. Tuy nhiên đối với nước ta, hoạt động này mới chỉ được thực hiện trong những năm gần đây. Việc đánh giá HĐGD qua ý kiến SV vẫn chưa được sử dụng chính thức trong giáo dục ĐH.

Trường Đại học Dân Lập Văn Lang đã thực hiện lấy ý kiến người học về HĐGD của GV đối với từng học phần từ tháng 9 năm

2004. Vậy, hiệu quả của hoạt động này như thế nào, những tồn tại trong quy trình thực hiện là gì? Nhằm tìm hiểu sự tác động của việc lấy ý kiến phản hồi (LYKPH) từ SV tới HĐGD của GV, trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hình thức đánh giá này tại trường ĐHDLVăn Lang, tôi đã chọn đề tài: ***“Tác động của việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tới hoạt động giảng dạy tại trường Đại học Dân lập Văn Lang”***.

2. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

2.1. Ý nghĩa lý luận

Những kết quả của luận văn này có thể là sự minh họa thêm cho các lý thuyết về sự tác động của việc LYKPH từ SV tới HĐGD của GV.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Góp phần đưa ra những đề xuất, khuyến nghị nhằm phát huy yếu tố tích cực và khắc phục những tồn tại để nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc LYKPH từ SV.

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu này nhằm kiểm chứng cho lý thuyết về sự tác động của việc LYKPH từ SV tới HĐGD của GV tại trường ĐHDLVăn Lang.

4. Giới hạn nghiên cứu

Trong giới hạn nghiên cứu của đề tài này, HĐGD của GV là hoạt động dạy học trên lớp, bao gồm: Chuẩn bị đề cương môn học; Phương pháp giảng dạy; Phương pháp kiểm tra đánh giá.

Tài liệu tham khảo Tiếng Anh

31. William E. Cashin (1999), *Student Ratings of teaching: Uses and Misuses*, Changing Practices in Evaluating Teaching tr25-tr44.
32. Deborah DeZure (1999), *Evaluating Teaching Through Peer Classroom Observation*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr70-tr96.
33. Mary Lou Higgerson (1999), *Building a Climate Conducive to Effective Teaching Evaluation*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr194-tr212.
34. Michele Marincovic (1999), *Using Student Feedback to Improve Teaching*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr45-tr69.
35. Joseph C. Moreale (1999), *Post – Tenure Review: Evaluating*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr116-tr138.
36. Peter Seldin (1999), *Current Practices – good and bad – Nationally*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr1-tr24.
37. Peter Seldin (1999), *Using Self-Evaluation: What Works? What Doesn't*, Changing Practices in Evaluating Teaching, tr97-tr115.

5. Phương pháp nghiên cứu

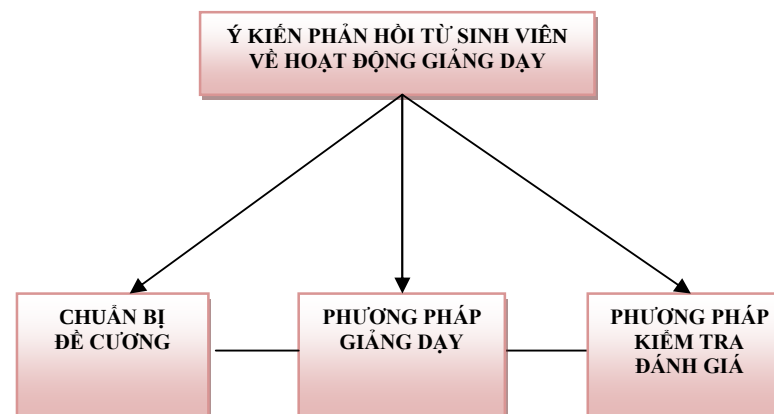
5.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Việc chuẩn bị đề cương môn học của GV thay đổi như thế nào sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD?
- PPGD của GV thay đổi như thế nào sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD?
- PPKT-ĐG của GV thay đổi như thế nào sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

- Giả thuyết 1: GV tích cực chuẩn bị và giải thích rõ yêu cầu đề cương môn học cho SV sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD.
- Giả thuyết 2: GV tích cực thay đổi PPGD sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD.
- Giả thuyết 3: GV tích cực thay đổi PPKT-ĐG sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV về HĐGD.

5.3. Mô hình lý thuyết



6. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

6.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài là GV của ĐH Văn Lang.

6.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là HDGD của GV.

7. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

7.1. Phương pháp thu thập thông tin

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn tại 4 Khoa trong trường. Mỗi GV được lựa chọn phải đảm bảo dạy cùng một môn học trong khoảng thời gian từ năm học 2004/2005 tới năm học 2009/2010.

Bảng chọn mẫu nghiên cứu theo khoa, GV cơ hữu và thỉnh giảng như sau:

Stt	Khoa	Số lượng		Tổng
		Cơ hữu	Thỉnh giảng	
1	Quản Trị Kinh Doanh	1	1	2
2	Thương mại	1	1	2
3	Kiến trúc-Xây dựng	1	1	2
4	Du lịch	1	1	2
Tổng		4	4	8

22. Vũ Thị Quỳnh Nga (2009), Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc đánh giá của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, Hà Nội.
23. Phan Trọng Ngọ (2005), Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm năm 2005.
24. Nguyễn Quý Thanh (2005), *Một số dạng hành vi học tập đặc trưng của sinh viên*, Giáo dục đại học chất lượng và đánh giá. Tr241-268, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
25. Trịnh Khắc Thâm (2005) *Đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra, đánh giá - giải pháp hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo*. Tr160-tr175, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
26. Trần Mạnh Trung (2008), “Giáo dục phổ thông cần có “Một cuộc cách mạng” về phương pháp giảng dạy” - Tạp chí dạy và học ngày nay số tháng 04 năm 2008.
27. Bùi Kiên Trung (2005), *hiệu quả công tác đánh giá GV*. Tr103-109, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
28. Phạm Viết Vượng (2000), Giáo Dục Học, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2000.

Tài liệu tham khảo trên Internet

29. Đổi mới phương pháp giảng dạy, H.HG.<http://vietbao.vn/Giao-duc/Doi-moi-phuong-phap-giang-day-mon-tu-nhien-xa-hoi/40057659/202/>.
30. “trò chấm thầy”: Rút ngắn khoảng cách thầy, Phụng Nguyên, trò <http://vietbao.vn/Giao-duc/Tro-cham-thay-Rut-ngan-khoang-cach-thay-tro/75165253/203/>.

15. Cần Thị Thanh Hương (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở Đại học quốc gia Hà Nội*,. Tr 35-tr39, kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của ĐHQG. Tr10-tr15, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
16. Th.S Mai Thị Quỳnh Lan (2005), *Một số ưu và nhược điểm của việc sinh viên đánh giá GV*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của ĐHQG tr56-tr60, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2005.
17. Lã Văn Mến (2005), *Đánh giá phương pháp giảng dạy của GV*, Giáo dục và đại học - chất lượng và đánh giá. Tr110-tr119, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2005.
18. Nguyễn Phương Nga (2005), *Quá trình hình thành và phát triển việc đánh giá GV*, Giáo dục đại học, chất lượng và đánh giá. Tr17-tr47, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
19. Nguyễn Phương Nga và Bùi Kiên Trung (2005), *Sinh viên đánh giá hiệu quả giảng dạy. Giáo dục đại học chất lượng và đánh giá*. Tr120-tr139, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
20. Nguyễn Phương Nga (2007), *Sinh viên đánh giá giáo viên - thử nghiệm công cụ và mô hình*, Giáo dục đại học, một số thành tố của chất lượng. Tr180-tr237, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2007.
21. Nguyễn Phương Nga (2005) *Bộ phiếu chuẩn đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khóa học của GV – kết quả nghiên cứu của Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của ĐHQG tr66-tr88, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2005.

7.2. *Phương pháp tra cứu tài liệu*

7.3. *Phương pháp phỏng vấn sâu*

7.4. *Xử lý và phân tích thông tin*

Đối với dữ liệu định lượng, đề tài sử dụng phương pháp Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể (Independent-samples T-test) để so sánh Điểm trung bình (ĐTB) ý kiến phản hồi từ SV của hai học kỳ bằng phần mềm xử lý thống kê SPSS.

Đối với dữ liệu định tính được phân loại, so sánh và tổng hợp những ý kiến điển hình được trích dẫn làm minh chứng cho các dữ liệu định lượng.

8. **Phạm vi, thời gian nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu tại 4 khoa trong phạm vi Trường ĐHDLVăn Lang: Quản Trị Kinh Doanh; Thương mại; Kiến trúc – Xây dựng; Du lịch.

Thời gian triển khai nghiên cứu trong 6 tháng từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010.

Chương 1: TỔNG QUAN

Mash (1982) đã tiến hành một nghiên cứu với 1364 lớp học để tìm hiểu xem khi lấy ý kiến SV về HĐGD, liệu nhận xét của SV gắn liền chủ yếu với bản thân môn học hoặc với GV dạy môn học đó. Marsh (1987) đã cho ra năm lý do nên sử dụng ý kiến của SV (Mash, 1987) [10]. Marsh (1992) đã công bố kết quả nghiên cứu là 80% GV ĐH tham gia vào công trình nghiên cứu đồng ý rằng ý kiến của SV có ích cho họ như các phản hồi về chất lượng giảng dạy (Mash, 1992) [10]. Coe (1998) đã kết luận rằng ý kiến của SV, dù vẫn còn

được đánh giá ở mức còn khiêm tốn, nhưng có thể đóng một vai trò khá quan trọng trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy [10].

Theo mô hình lý thuyết đánh giá mang tính xây dựng trong giáo dục ĐH theo bảy nguyên tắc của Tiến sĩ David Nicole và Debra Macfarlane – Dick (Hoa Kỳ) bất kỳ mô hình thông tin phản hồi nào cũng phải tính đến các SV hiểu và sử dụng thông tin phản hồi [15, tr58].

Theo nghiên cứu của Bộ Giáo dục Mỹ năm 1991 dựa trên khảo sát của 40.000 GV ĐH thì 97% các GV cho rằng cần sử dụng đánh giá của SV để thẩm định công tác HĐGD [34, tr45-69]. Theo Tiến sĩ Peter J.Gray - Học viện Hải quân Hoa Kỳ: Ở Mỹ trong 20 năm gần đây, việc SV đánh giá GV đã trở thành phương pháp đánh giá giảng dạy phổ biến nhất trong các trường ĐH.

TS Nguyễn Kim Dung (1999) đã khảo sát khả năng có thể sử dụng ý kiến phản hồi của SV trong trường ĐH Sư phạm Tp.HCM [9]. TS Nguyễn Kim Dung (2005) đã nghiên cứu về việc sử dụng ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy tại trường ĐH Sư phạm Tp.HCM [10].

TS Lê Văn Hào (2003) đã nghiên cứu việc lấy ý kiến SV về HĐGD tại ĐH Nha Trang [14, tr24-tr29].

PGS.TS Nguyễn Phương Nga (2005) với nghiên cứu xây dựng Bộ phiếu chuẩn để đánh giá HĐGD và Nghiên cứu khoa học của GV [21, tr66-88].

Hiện nay, việc đánh giá HĐGD của GV ở các nước tiên tiến trên thế giới được thực hiện thông qua kiểm định chất lượng giáo dục ĐH.

ĐHQG. Tr1-tr5, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.

8. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2002.
9. Nguyễn Kim Dung (1999), Khảo sát khả năng có thể sử dụng ý kiến phản hồi của sinh viên trong trường ĐHSP Tp.HCM.
10. Nguyễn Kim Dung (2005), Sử dụng ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy tại trường ĐHSP Tp.HCM.
11. Nguyễn Xuân Đàn (2005), *Sinh viên đại học nhìn từ góc độ phương pháp và công cụ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV*, kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của ĐHQG. Tr16-tr19, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
12. PGS-TS Ngô Doãn Đãi (2005), *Tác động của chuẩn hoá đánh giá GV tới công tác tổ chức và quản lý GV*, kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của ĐHQG. Tr10-tr15, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
13. Th.S Nguyễn Quang Giao (2005), *Bàn về phương pháp đánh giá hoạt động giảng dạy của GV thông qua đánh giá của sinh viên*, kỷ yếu Hội thảo Quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV. Tr20-tr23, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
14. TS Lê Văn Hào (2005), *Lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy: một vài kinh nghiệm thế giới và tại Trường đại học Nha Trang*, kỷ yếu Hội thảo Quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV. Tr24-tr29, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo Tiếng Việt

1. Báo cáo của Thứ trưởng Giáo dục và Đào tạo Bành Tiến Long tại Hội nghị Hiệu trưởng các trường Đại học thành viên cộng đồng Pháp ngữ châu Á – Thái Bình Dương, ngày 25-9, tại Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo tổng kết của Vụ đại học và sau đại học năm học 2006-2007 các trường đại học, cao đẳng.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 1276/BGDĐT/NG ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo về việc “*Hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV*”.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, các cơ sở giáo dục đại học toàn quốc tập trung triển khai cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tự đánh giá trong kiểm định chất lượng GD ĐH, Tài liệu tập huấn Bộ Giáo dục và Đào tạo 2007.
6. Vũ Thị Phương Anh (2005), *Thực hiện thu thập và sử dụng ý kiến sinh viên trong đánh giá chất lượng giảng dạy: Kinh nghiệm từ Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*, Giáo dục đại học chất lượng và đánh giá. Tr48-tr63, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005.
7. TS Nguyễn Đình Bình (2005), *Năng lực sư phạm và đánh giá năng lực sư phạm của giáo viên*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV của

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. LYKPH từ SV về HĐGD

2.1.1. Khái niệm

LYKPH từ SV về HĐGD là hình thức dùng bảng hỏi để thu thập ý kiến phản hồi của SV về HĐGD của GV sau mỗi môn học. Về bản chất, việc LYKPH của SV thể hiện mức độ hài lòng của SV đối với giờ giảng của GV, là cơ hội để SV đóng góp ý kiến với GV. Mục đích của hoạt động này là nhằm góp phần nâng cao chất lượng của HĐGD.

2.1.2. Ý nghĩa

Đây là cơ sở để GV tự điều chỉnh HĐGD. Đây còn là quyền lợi và nghĩa vụ của SV. Ý kiến phản hồi của SV là kênh thông tin quan trọng giúp các nhà quản lý có được bức tranh toàn cảnh về chất lượng giảng dạy và hoạt động của trường.

2.1.3. Ưu và nhược điểm

SV là người lĩnh hội những tri thức, kiến thức trực tiếp của GV, vì vậy SV sẽ đánh giá được ảnh hưởng của HĐGD của GV đối với họ [17, tr117]. Nguồn SV đánh giá có giá trị, có tính xác thực và độ tin cậy cao với số lượng tham gia đánh giá đông đảo và luôn thay đổi cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên nó cũng tùy thuộc vào các loại thông tin mà SV được yêu cầu cung cấp và việc sử dụng những thông tin phản hồi đó.

2.2. Hoạt động giảng dạy của giảng viên

2.2.1. Chuẩn bị đề cương môn học

Đề cương môn học là tài liệu do GV biên soạn để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy môn học, gồm: Thông tin về GV, thông tin chung về môn học, mục tiêu của môn học, tóm tắt nội dung môn học, nội dung chi tiết môn học, học liệu, hình thức tổ chức dạy học, chính sách đối với môn học và phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học. Việc SV được giải thích rõ về đề cương môn học có ảnh hưởng lớn đến thái độ và phương pháp học tập của SV.

2.2.2. Phương pháp giảng dạy

2.2.2.1. Khái niệm

Phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức hoạt động phối hợp của giáo viên và học sinh, trong đó phương pháp dạy chỉ đạo phương pháp học, nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học và hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo thực hành sáng tạo [28, tr93].

2.2.2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học hiện nay

2.2.2.3. Giảng dạy có hiệu quả

Giảng dạy hiệu quả được hiểu là GV cần thực hiện những PPGD khác nhau phù hợp với các đối tượng khác nhau trong lớp, truyền tải để SV hiểu được khái niệm, áp dụng và tích hợp chúng. Bên cạnh việc truyền tải kiến thức đến SV, GV cần chuyển đổi và mở rộng được các kiến thức đó [21, tr67].

2.2.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

2.2.3.1. Phương pháp kiểm tra

một cách nghiêm túc, suy nghĩ cân nhắc cẩn thận giúp nhà trường có được những thông tin xác thực, cần thiết cho sự phát triển của trường.

Thứ năm, thể hiện cho GV biết nhà trường rất quan tâm tới kênh thông tin phản hồi này. Chủ động phản hồi trực tiếp và gián tiếp tới GV bằng nhiều cách khác nhau.

Thứ sáu, để tránh cách làm chỉ mang tính hình thức như kiểu hô hào khẩu hiệu, ý kiến phản hồi của SV cần phải được sử dụng như một trong những kênh thông tin quan trọng trong chính sách quản lý của nhà trường. Việc sử dụng kết quả ý kiến phản hồi của SV phải hết sức tế nhị, tạo động lực để GV cải tiến, sửa chữa, động viên họ phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sử dụng kết quả phản hồi sao cho mỗi GV thấy được yêu cầu họ cần phải điều chỉnh và cũng như những giá trị, lợi ích mang lại từ sự điều chỉnh và nỗ lực cải tiến của họ. Từ đó tạo động lực để mọi GV chủ động cải tiến, điều chỉnh HĐGD.

Bên cạnh việc tác động để GV cải tiến, điều chỉnh khắc phục những hạn chế cũng cần phải có chính sách tuyên dương, khích lệ những GV được đánh giá cao để họ tiếp tục phát huy những yếu tố tích cực. Có như vậy mới thật sự phát huy hết mục đích cao nhất của việc LYKPH là giúp GV tự điều chỉnh, cải tiến HĐGD và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nếu sử dụng không khéo sẽ gây ra phản tác dụng, nhất là khi ý kiến phản hồi chỉ được dùng để phê phán, chỉ trích.

Thứ bảy, cần phải thể hiện cho SV biết ý kiến phản hồi của họ được nhà trường quan tâm lắng nghe, thấu hiểu và tôn trọng. Vì vậy, để SV thấy rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đưa ra ý kiến phản hồi về HĐGD của GV thì những phản hồi, những góp ý, kiến nghị hợp lý của họ phải được điều chỉnh, dẫn tới những đổi mới, cải tiến thật sự. Có như vậy SV mới thực hiện việc đưa ra ý kiến phản hồi

Phương pháp kiểm tra là phương pháp xem xét thường xuyên quá trình học tập của học sinh. Mục đích của kiểm tra là tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh tăng cường chất lượng học tập.

2.2.3.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá kết quả học tập là xác định giá trị khách quan kết quả học tập của học sinh, bằng cách so sánh nó với một chuẩn (có thể là mục tiêu môn học hay mục tiêu của đơn vị kiến thức, thường diễn đạt bằng thang điểm) và gán cho nó một điểm hoặc một lời nhận xét. Đánh giá là bước tiếp theo của kiểm tra và thi [28, tr107].

Chương 3: VỊ TRÍ, NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG

3.1. Vị trí việc LYKPH từ SV

3.2. Nội dung và phương pháp tính điểm của phiếu LYKPH

3.2.1. Nội dung phiếu LYKPH

Phiếu LYKPH gồm 19 câu hỏi tập trung vào ba nhóm nội dung chính là: Việc chuẩn bị đề cương; PPGD và PPKT-ĐG, cụ thể là:

Nhóm nội dung	Câu hỏi	Nội dung câu hỏi
NHÓM 1 Chuẩn bị đề cương	1	GV giải thích rõ đề cương
	2	Duy trì đề cương
	3	Tài liệu tham khảo bổ sung
	4	Tài liệu GV phát trước cho lớp

NHÓM 2 Phương pháp giảng dạy	5	Giảng dễ hiểu
	6	Cho nhiều ví dụ
	7	Lớp học sinh động
	8	Khái quát nội dung môn học
	9	Phản hồi, giao tiếp SV
	10	Sử dụng hiệu quả thiết bị kỹ thuật
	11	Có tín nhiệm: kỷ cương, tác phong, cư xử...
	12	Nhiệt tình trong giảng dạy
NHÓM 3 Phương pháp kiểm tra đánh giá	15	Có nhiều biện pháp khuyến khích SV tự học
	13	Bài tập về nhà rõ ràng
	14	Bài tập thực sự tạo động lực cho SV học tập
	16	Sửa bài tập về nhà trên lớp
	17	Sửa vào bài làm của SV
	18	Đề thi sát chương trình
	19	Có đáp án cho đề thi giữa kỳ

3.2.2. Phương pháp tính điểm của phiếu LYKPH

Đối với 4 câu hỏi đầu và 4 câu hỏi cuối cùng:

Mức	Phương án trả lời	Điểm
1	Không có ý kiến	0
2	Hoàn toàn không đồng ý	0
3	Không đồng ý	0.25
4	Đồng ý	0.5
5	Hoàn toàn đồng ý	1

- GV không nhận được kết quả phản hồi của SV nên không biết cụ thể những hạn chế để điều chỉnh và ưu điểm để phát huy, cũng như hiệu quả sau mỗi lần điều chỉnh. Vì vậy, giảng viên chủ yếu tự điều chỉnh HDGD theo nội dung lấy ý kiến phản hồi chứ chưa căn cứ vào kết quả ý kiến phản hồi của sinh viên.
- Chỉ sử dụng một nội dung duy nhất cho toàn trường nên chưa phù hợp với tính chất của nhiều môn học khác nhau, như môn học thực hành; nghiệp vụ; các môn đặc thù về sáng tạo của khoa Kiến trúc – Xây dựng và Mỹ thuật...

2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài sau đây tác giả đề tài xin có một số khuyến nghị nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả của việc LYKPH từ SV về HDGD của GV tại trường ĐHDLVăn Lang.

Thứ nhất, đây là vấn đề mới và tế nhị, vì vậy cần tuyên truyền rộng rãi trong toàn trường để nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác này.

Thứ hai, phiếu LYKPH cần có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của các chuyên gia, các GV nhằm đảm bảo tính hợp lý, thực chất và đồng thuận. Cần chú ý tới các yếu tố đặc thù của ngành, nghề đào tạo và tính chất môn học.

Thứ ba, việc LYKPH cần được tiến hành đúng thời điểm, khi thông tin về GV, môn học ở mỗi SV còn đầy đủ và đang nóng hổi, thích hợp nhất là ngay sau khi môn học vừa kết thúc.

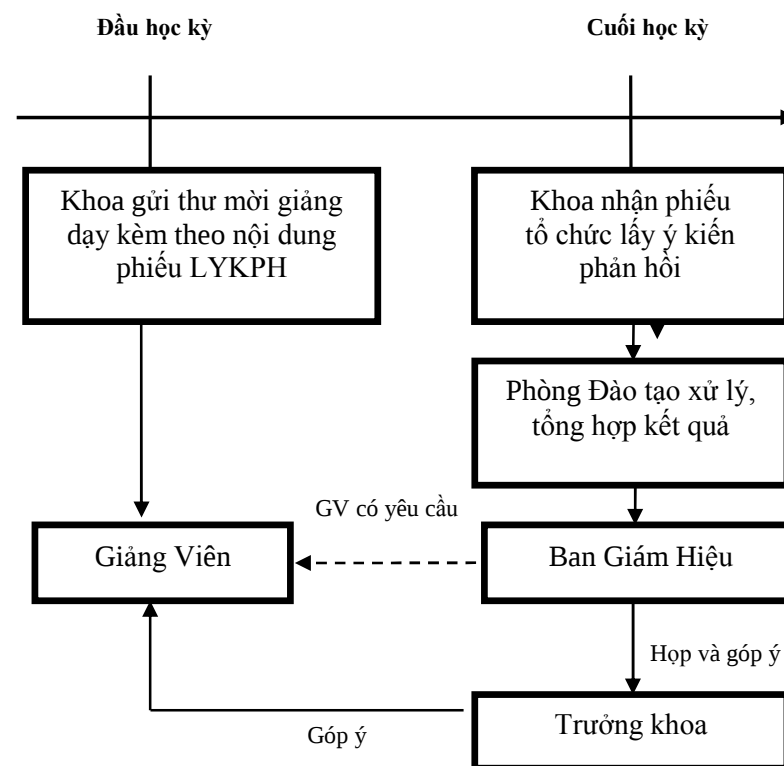
Thứ tư, bên cạnh việc LYKPH thông qua bảng hỏi cần sử dụng thêm các hình thức khác như: phỏng vấn SV; họp với đội ngũ cán bộ lớp, hoặc cả lớp thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp... Thông tin thu thập được từ các hình thức này sẽ bổ sung thêm và thẩm định lại ý kiến phản hồi bằng bảng hỏi.

- Tích cực điều chỉnh và sử dụng nhiều ví dụ minh họa trong bài giảng làm cho PPGD dễ hiểu hơn.
- Tăng cường phản hồi, giao tiếp với SV làm cho lớp học trở nên sinh động hơn.
- Chú ý hơn trong mỗi giờ lên lớp: Tôn trọng kỷ cương, giờ giấc và ứng xử đúng mực với SV.
- Thể hiện sự nhiệt tình hơn trong HGD và khuyến khích SV tự học....
- GV đã chủ động, tích cực điều chỉnh PPKT-ĐG sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV.
- GV tích cực chuẩn bị và tăng cường giao bài tập về nhà tạo động lực học tập cho SV.
- Tăng cường sửa bài tập trên lớp cho SV.
- Ra đề thi sát với chương trình học và chú ý công bố đáp án thi giữa kỳ cho SV.
- Quy trình LYKPH của nhà trường đã phát huy được mặt tích cực là cảnh báo, nhắc nhở, giúp GV chú ý, nghiêm túc hơn, cẩn thận hơn trong việc chuẩn bị trước và trong mỗi giờ lên lớp.
- GV đã chủ động tự điều chỉnh HGD theo nội dung LYKPH.
- Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy quy trình LYKPH của trường hiện nay vẫn còn có những tồn tại.
- Thời điểm tổ chức LYKPH của tất cả các môn học được tập trung vào một buổi cuối học kỳ gây khó khăn cho việc tập hợp SV; thời gian quá gấp gáp; SV cảm thấy nhàm chán; thông tin thiếu chính xác, đặc biệt là những môn kết thúc sớm....
- Nhà trường chưa chủ động gửi kết quả ý kiến phản hồi cho mỗi GV sau mỗi học kỳ mà chỉ mới thực hiện cho những GV có yêu cầu.

Đối với 11 câu hỏi giữa:

Mức	Phương án trả lời	Điểm
1	Không có ý kiến	0
2	Hoàn toàn không đồng ý	0
3	Không đồng ý	0.25
4	Đồng ý	1
5	Hoàn toàn đồng ý	2

3.3. Quy trình LYKPH từ SV



Hình 3.1: Quy trình LYKPH từ SV về HĐGD của Trường DHDL Văn Lang

Chương 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 4.1. Kết quả chọn mẫu nghiên cứu theo ngành đào tạo, mã GV và mã môn học trong học kỳ 041 và học kỳ 091

ST T	KHOA	GIẢNG VIÊN	MÔN GIẢNG	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG PHIẾU PHẢN HỒI	
					HK041	HK091
1	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QT-01	TN01	CƠ HỮU	58	66
		QT-02	QT009	THỈNH GIẢNG	62	70
2	THƯƠNG MẠI	CO-01	KT29A	CƠ HỮU	87	96
		CO-02	CO029	THỈNH GIẢNG	71	59
3	KIẾN TRÚC	AX-01	AR014	CƠ HỮU	26	21

Means	Sig. (2-tailed)		.000	.000
	Mean Difference		-7.2320	-7.2320
	Std. Error Difference		.82283	.82664
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	-8.85788	-8.86596
		Upper	-5.60621	-5.59814

Kết quả Bảng 4.38 ta thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi về HĐGD của GV DL-02 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu ý kiến phản hồi từ SV về HĐGD của GV dạy cùng môn học trong thời gian 5 năm, có thể rút ra kết luận về sự tác động của việc LYKPH từ SV tới HĐGD của GV tại trường DHDL Văn Lang như sau:

- GV đã tích cực chuẩn bị đề cương môn học sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV.
- GV đã tích cực biên soạn tài liệu, bài giảng phát trước cho SV, giới thiệu tài liệu tham khảo bổ sung cho môn học.
- Giải thích rõ đề cương môn học: mục tiêu; yêu cầu; cách thi, kiểm tra; trọng số điểm thành phần... Chú ý hơn trong việc duy trì đề cương môn học.
- GV đã chủ động, tích cực tự điều chỉnh PPGD sau khi nhà trường tổ chức LYKPH từ SV.

Equality of Means	df	122	119.862
	Sig. (2-tailed)	.000	.000
	Mean Difference	-6.8925	-6.8925
	Std. Error Difference	.83674	.83812
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower -8.54894 Upper -5.23612	-8.55197 -5.23310

Kết quả bảng 4.33 ta thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi từ SV về HĐGD của GV DL-01 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.4.2. Giảng viên DL-02

Bảng 4.37. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HĐGD của GV DL-02

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	71	15.5704	5.24714	.62272
	HK-091	81	22.8025	4.89287	.54365

Bảng 4.38. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV DL-02

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	.015	
t-test for Equality of	Sig.	.903	
	t	-8.789	-8.749
	df	150	144.115

	XÂY DỰNG	AX-02	TN086	THỈNH GIẢNG	23	25
4	DU LỊCH	DL-01	DL037	CƠ HỮU	63	61
		DL-02	PL101	THỈNH GIẢNG	71	81

4.1. Khoa Quản trị Kinh doanh

4.1.1. Giảng viên QT-01

GV QT-01 là GV cơ hữu thuộc khoa Quản trị kinh doanh. Trong 5 năm, từ học kỳ 041 đến học kỳ 091 GV QT-01 cùng giảng dạy môn học TN01.

Bảng 4.2. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HĐGD của GV QT-01

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	58	2.8060	5.12541	.67300
	HK-091	66	21.1780	4.29171	.52827

Bảng 4.3: Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV QT-01

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	1.495	
	Sig.	.224	

t-test for Equality of Means	t		-9.898	-9.785
	df		122	111.696
	Sig. (2-tailed)		.000	.000
	Mean Difference		-8.3720	-8.3720
	Std. Error Difference		.84585	.85557
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	-10.04644	-10.06725
		Upper	-6.69756	-6.67674

Kết quả bảng 4.3 cho thấy, giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05. Như vậy ta có thể kết luận rằng: Điểm trung bình ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV QT-01 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.1.2. Giảng viên QT-02

Bảng 4.7. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV QT-02

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	62	11.9935	5.27875	.67040
	HK-091	70	16.8179	6.20264	.74136

Bảng 4.8. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV QT-02

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	3.334	
	Sig.	.070	
	t	-4.780	-4.827
	df	130	129.805

Means	Sig. (2-tailed)	.007	.008
	Mean Difference	-3.2922	-3.2922
	Std. Error Difference	1.15559	1.17189
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	-5.61825
		Upper	-5.66178

Kết quả bảng 4.28 cho thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi về HDGD của GV AX-02 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.4. Khoa Du lịch

4.4.1. Giảng viên DL-01

Bảng 4.32. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV DL-01

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	63	11.4722	4.41978	.55684
	HK-091	61	18.3648	4.89229	.62639

Bảng 4.33. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV DL-01

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	1.604	
	Sig.	.208	
t-test for	t	-8.237	-8.224

Means	Sig. (2-tailed)		.000	.000
	Mean Difference		-5.5018	-5.5018
	Std. Error Difference		.83676	.80098
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	-7.18716	-7.11685
		Upper	-3.81650	-3.88682

Kết quả Bảng 4.23 ta thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi về HDGD của GV AX-01 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.3.2. Giảng viên AX-02

Bảng 4.27. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV AX-02

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	23	16.5978	4.64400	.96834
	HK-091	25	19.8900	3.30016	.66003

Bảng 4.28. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV AX-02

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	1.701	
	Sig.	.199	
t-test for Equality of	t	-2.849	-2.809
	df	46	39.396

t-test for Equality of Means	Sig. (2-tailed)		.000	.000
	Mean Difference		-4.8243	-4.8243
	Std. Error Difference		1.00933	.99952
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	-6.82115	-6.80178
		Upper	-2.82747	-2.84684

Bảng 4.8 ta thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed là < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi về HDGD của GV QT-02 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.2. Khoa Thương mại

4.2.1. Giảng viên CO-01

Bảng 4.12. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV CO-01

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	87	8.3534	3.30863	.35472
	HK-091	96	16.6745	4.78417	.48828

Bảng 4.13. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV CO-01

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	11.863	
	Sig.	.001	
t-test for	t	-13.549	-13.787

Equality of Means	df	181	169.563
	Sig. (2-tailed)	.000	.000
	Mean Difference	-8.3210	-8.3210
	Std. Error Difference	.61416	.60353
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower -9.53286 Upper -7.10921	-9.51243 -7.12963

Bảng 4.13 cho thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances not assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.2.2. Giảng viên CO-02

Bảng 4.17. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV CO-02

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	71	12.5070	4.09420	.48589
	HK-091	59	22.6525	4.49209	.58482

Bảng 4.18. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV CO-02

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	.316	
	Sig.	.575	
t-test for	t	-13.459	-13.343

Equality of Means	df	128	118.805
	Sig. (2-tailed)	.000	.000
	Mean Difference	-10.1455	-10.1455
	Std. Error Difference	.75382	.76033
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower -11.63706 Upper -8.65394	-11.65106 -8.63994

Bảng 4.18 cho thấy giá trị Sig trong kiểm định T phần Equal variances assumed < 0.05, như vậy ĐTB ý kiến phản hồi về HDGD của GV CO-02 trong học kỳ 091 lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học kỳ 041.

4.3. Khoa Kiến trúc – Xây dựng:

4.3.1. Giảng viên AX-01

Bảng 4.22. Thống kê mô tả ý kiến phản hồi từ SV về HDGD của GV AX-01

	Học kỳ	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
ĐTB ý kiến phản hồi	HK-041	26	18.8077	3.30402	.64797
	HK-091	21	24.3095	2.15770	.47085

Bảng 4.23. Kiểm định trên các mẫu độc lập về ĐTB ý kiến phản hồi của GV AX-01

		ĐTB ý kiến phản hồi	
		Equal variances assumed	Equal variances not assumed
Levene's Test for Equality of Variances	F	2.889	
	Sig.	.096	
t-test for Equality of	t	-6.575	-6.869
	df	45	43.286